TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 08-11-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm
2. Bà Võ Thị Thúy An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc*" ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp Kinh 2, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Danh K, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Kinh 2, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thị T trình bày: Chị và anh Danh K chung sống như vợ chồng từ năm 2003 cho đến nay, không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc cho đến năm 2013, do phát sinh mâu thuẫn tính tình không hợp, anh K hay dùng bạo lực đánh đập chị và hiện tại anh chị đã ly thân. Nay chị T xin ly hôn. Về con chung: không có. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Danh K vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận là vợ chồng giữa chị T và anh Danh K; Về con chung: không có; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh K đã được Toà án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh Danh K có đủ các điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định khi chung sống là không phù hợp với quy định của pháp luật nên vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết hôn nhân của anh chị. Chị T và anh Danh K không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó luật không công nhận chị T và anh Danh K là vợ chồng.

[3] Về con chung: không có.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về án phí xin ly hôn:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0000223 ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thị T và anh Danh K là vợ chồng.

2- Về con chung: Không có.

3- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0000223 ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thuận;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm

.